

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 29/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đồi.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hoàng V** - Sinh năm 1981; Địa chỉ: số nhà K62/19, đường Nguyễn Phan Vinh, tổ 69 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Võ Như Q** - Sinh năm 1980; Địa chỉ: số nhà K62/19, đường Nguyễn Phan Vinh, tổ 69 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Hoàng V trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Như Q kết hôn vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T , quận S , thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2008 ngày 11 tháng 3 năm 2008). Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2014 đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và luôn say xỉn, đập phá đồ đạc trong nhà, không chịu làm ăn, vô trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn phù hợp nhau về mọi mặt, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Võ Như Q.

* Về con chung: Tôi và ông Võ Như Q có 01 con chung là Võ Hoàng Anh T , sinh ngày 15.02.2009. Tôi có nguyện vọng khi ly hôn tôi xin được nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong đơn khởi kiện, tôi có yêu cầu ông Võ Như Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay tôi không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

- Ông Võ Như Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không có lời khai của ông trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Nguyễn Hoàng V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng ông Võ Như Q liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng V đối với ông Võ Như Q .

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao con chung Võ Hoàng Anh T , sinh ngày 15.02.2009 cho bà Nguyễn Hoàng V trực tiếp nuôi dưỡng; ông Võ Như Q không cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: bà Nguyễn Hoàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết về tài sản chung.

* Về nợ chung: bà Nguyễn Hoàng V xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng V đối với ông Võ Như Q là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Võ Như Q vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Hoàng V và ông Võ Như Q kết hôn vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2008 ngày 11 tháng 3 năm 2008). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng V Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong suốt quá trình tố tụng ông Võ Như Q vắng mặt không thu thập được lời khai của ông. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của bà Hoàng V thì vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và luôn say xỉn, dẫn đến vợ chồng không còn phù hợp nhau về mọi mặt, không còn tình cảm gì với nhau nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Như Q. Lời trình bày của bà Hoàng V phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương là trong quá trình chung sống hai ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Bản thân ông Q trong quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng nhưng ông vẫn không đến tòa, chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân của bà Hoàng V và ông Võ Như Q như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích hôn nhân nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng V là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng V và ông Võ Như Q có 01 con chung là Võ Hoàng Anh T, sinh ngày 15.02.2009.

Bà V yêu cầu khi ly hôn bà xin được nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, trong đơn khởi kiện, Bà V yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của Bà V thì thấy cháu Võ Hoàng Anh T là con gái, rất cần sự gần gũi, chăm sóc chu đáo của mẹ về mọi mặt, nguyện vọng của cháu hiện nay cũng muốn được ở với mẹ. Bản thân ông Q vắng mặt tại Tòa trong suốt quá trình tố tụng chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Võ Hoàng Anh T, không làm xáo trộn tâm lý của cháu Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hoàng V, giao cháu Võ Hoàng Anh T cho bà Nguyễn Hoàng V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Võ Hoàng Anh T đủ 18 tuổi.

[3.1] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà Nguyễn Hoàng V không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Hoàng V xác định vợ chồng không có nợ chung, tại phiên tòa ông Q vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; bà Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ bà Nguyễn Hoàng V đã nộp tại biên lai thu số 08661 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng V.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Hoàng V được ly hôn với ông Võ Như Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2008 ngày 11 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con chung Võ Hoàng Anh T, sinh ngày 15.02.2009 cho bà Nguyễn Hoàng V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Võ Hoàng Anh T đủ 18 tuổi. Ông Võ Như Q không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ bà Nguyễn Hoàng V đã nộp tại biên lai thu số 08661 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

